

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chiến lược phát triển
Trường Đại học Xây dựng Miền Tây đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Tây ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-HĐTĐHXDMT ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Tây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Chiến lược phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Tây đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên của Hội đồng trường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Các thành viên HĐT;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG



Lê Hiến Chương

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY ĐẾN NĂM 2020
VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐTTĐHXDMT ngày 13/9/2017
của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Tây)*

I. SỨ MỆNH, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Sứ mạng

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây là cơ sở giáo dục công lập, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ Đại học, Sau đại học; là cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có vai trò quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và hội nhập quốc tế.

2. Tầm nhìn

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây phấn đấu đến năm 2030 sẽ trở thành trường đại học nghiên cứu và ứng dụng, đa ngành, đa bậc học; từng bước tiếp cận, hòa nhập với các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương và quốc gia, đạt chuẩn quốc gia, có uy tín trong nước và khu vực.

3. Giá trị cốt lõi

“Chất lượng - Năng động - Phát triển - Hội nhập”

Chất lượng: chất lượng trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Năng động: trong học tập, nghiên cứu, làm việc, cống hiến và cuộc sống.

Phát triển: đào tạo đa ngành, đa bậc học.

Hội nhập: đạt chuẩn trong nước và khu vực Đông Nam Á.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Đặc điểm tình hình trong nước và quốc tế

Quá trình toàn cầu hóa tạo điều kiện cho sự hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và cung cấp dịch vụ xã hội. Việc thực hiện các chương trình đào tạo hay nghiên cứu khoa học liên kết càng trở nên dễ dàng hơn. Nền kinh tế tri thức

và quá trình toàn cầu hóa làm tăng nhu cầu học tập, do vậy, sự đa dạng của các loại hình đào tạo vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với các trường đại học (đào tạo văn bằng hai, khóa đào tạo ngắn hạn...).

Luật Giáo dục đại học được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/6/2012 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho tổ chức và hoạt động giáo dục của các trường đại học nói chung và Trường Đại học Xây dựng Miền Tây nói riêng. Luật Giáo dục đại học đã góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo, hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục; tạo sự chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục; tập trung phát triển trí tuệ, thể chất hình thành phẩm chất, năng lực công dân, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống cho sinh viên.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đã từng được khẳng định trong các văn kiện Đảng trước đây, đặc biệt là trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8, khóa XI, khẳng định đây không chỉ là quốc sách hàng đầu, là “chìa khóa” mở ra con đường đưa đất nước tiến lên phía trước, mà còn là “mệnh lệnh” của cuộc sống.

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây có 40 năm xây dựng và phát triển, cùng với sự nỗ lực không ngừng phấn đấu của tập thể cán bộ viên chức trong những năm qua, luôn được Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Vĩnh Long đánh giá cao trong các phong trào thi đua và được lãnh đạo cấp trên tặng thưởng các danh hiệu cao quý và nhiều phần thưởng khác của các cơ quan trung ương và địa phương. Trường được tặng Cờ thi đua của Chính phủ, được Chủ tịch nước tặng Huân chương Độc lập hạng Ba. Tập thể Ban Giám hiệu luôn nâng cao quan điểm, lập trường, kiên định mục tiêu, có lối sống lành mạnh, gương mẫu đi đầu trong mọi phong trào, không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, chính trị. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng viên chức, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ cán bộ, viên chức luôn nâng cao nhận thức và càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước và thực sự quan tâm đối với tương lai phát triển của Nhà trường trong giai đoạn hội nhập mới.

1.2. Thuận lợi

a) Phát huy hiệu quả trên nền tảng của một trường đại học có bề dày trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực ngành Xây dựng cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây với 40 năm đào tạo nguồn nhân lực ngành Xây dựng đã cung cấp cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long số lượng lớn cán bộ kỹ thuật phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh.

Chất lượng đào tạo của Nhà trường đã được khẳng định, hơn 90% sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng với ngành, nghề đào tạo. Nhà trường đã xây dựng được thương hiệu, khẳng định được vị trí, vai trò cần thiết của mình trong công tác đào tạo nguồn nhân lực ngành Xây dựng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.



Nhà trường có đội ngũ giảng viên được đào tạo đạt chuẩn (hơn 98% giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và đang học cao học), có bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, kinh nghiệm trong thực tế sản xuất, nhiệt huyết trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đây là lực lượng trí thức rất quý, rất quan trọng cần được khai thác, sử dụng hợp lý và có hiệu quả trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường và của Ngành.

Đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo đưa công tác đào tạo của Nhà trường có nề nếp, đạt hiệu quả cao. Xây dựng được môi trường sư phạm lành mạnh, phát huy sức mạnh tổng hợp xây dựng Nhà trường ngày càng phát triển toàn diện về mọi mặt.

Việc nâng cao chất lượng và mở những ngành đào tạo đáp ứng được nhu cầu tìm việc làm cho sinh viên tốt nghiệp là điều cấp thiết để thu hút được nhiều học sinh sau THPT vào học tại Trường.

b) Trường Đại học Xây dựng Miền Tây có cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động đào tạo

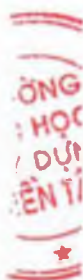
Trường được tỉnh Vĩnh Long giao quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích trên 10,5 ha, gồm 2 khu A và B, đủ đảm bảo cho xây dựng và phát triển của Nhà trường. Có quỹ đất dự trữ để mở rộng phát triển trường cho các giai đoạn tiếp theo.

Tổng tài sản của trường hiện nay hơn 550 tỷ VNĐ, gồm giá trị tài sản là đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc - thiết bị, đồ dùng dạy học, thực hành, thực tập, thí nghiệm, tài liệu, sách thư viện... đủ đảm bảo cho quy mô hoạt động của trường đại học đào tạo các chuyên ngành trong lĩnh vực Xây dựng.

c) Kinh nghiệm liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các cơ sở giáo dục đại học trong 40 năm qua

Trước nhu cầu nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, được sự chỉ đạo của Bộ Xây dựng, sự đồng ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã liên kết với đơn vị sau:

- Trường Đại học Kiến trúc Tp. Hồ Chí Minh để đào tạo bậc đại học, gồm:
 - + Kiến trúc sư hệ chính quy và không chính quy;
 - + Kỹ sư Xây dựng hệ chính quy và không chính quy.
- Hội Cấp thoát nước Việt Nam và Trường Đại học Xây dựng Hà Nội để đào tạo bậc đại học ngành Kỹ sư Cấp thoát nước.
- Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội để đào tạo sau đại học, gồm:
 - + Cao học Xây dựng Dân dụng và công nghiệp;
 - + Cao học Quản lý đô thị.
- Học viện Tài chính - Bộ Tài chính để đào tạo sau đại học, gồm:
 - + Cao học Kinh tế chuyên ngành Kế toán;
 - + Cao học Kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng;
 - + Cao học Kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế.



Nhờ có liên kết đào tạo với các trường đại học, học viện mà đội ngũ giảng viên có cơ hội tham gia học tập, chuẩn hóa trình độ tính đến nay đã có hơn 98% thạc sỹ, tiến sỹ và đang học cao học; cán bộ quản lý của Nhà trường đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm thực tế trong công tác quản lý đào tạo.

d) Trường đóng ở khu vực có nhu cầu đào tạo lớn, có nguồn tuyển sinh phong phú, đa dạng và có nhu cầu học tập rất lớn

Đồng bằng sông Cửu Long có một vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của Việt Nam. Đây là khu vực phát triển chậm so với các khu vực khác trong cả nước, nhưng lại là khu vực có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội.

Qua nhiều số liệu thống kê, vùng Đồng bằng sông Cửu Long vẫn luôn bị đánh giá là “vùng trũng về giáo dục đào tạo” của cả nước với nhiều chỉ số như có tỉ lệ bỏ học cao nhất nước, đầu tư cho giáo dục đào tạo thấp, hệ thống trường lớp chưa phát triển như các vùng miền khác... Nếu Đồng bằng sông Hồng chỉ khoảng hơn 300 ngàn người dân là có một trường đại học và bình quân chung cả nước là khoảng 400 ngàn người dân thì vùng đồng bằng sông Cửu Long lại đến 1 triệu người dân mới có được một trường đại học. Điều này cho thấy năng lực đào tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của khu vực.

Để Đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh và bền vững, cần một nguồn nhân lực được đào tạo rất lớn, trong đó có nhu cầu nguồn nhân lực ngành Xây dựng, mà đặc biệt là nguồn nhân lực được đào tạo với trình độ cao.

Mặt khác là khu vực có dân số đông khoảng 17,524 triệu người, trong đó độ tuổi lao động chiếm khoảng 55%, hàng năm có hơn 100 ngàn học sinh phổ thông trung học tốt nghiệp, vì vậy số người trong độ tuổi học tập ở bậc đại học và chuyên nghiệp là rất lớn. Đây là nguồn tuyển sinh dồi dào, phong phú cho các trường đại học, chuyên nghiệp và dạy nghề.

e) Trường nằm ở vị trí địa lý là trung tâm của khu vực Tây Nam bộ

Khu vực trường tọa lạc tại Thành phố Vĩnh Long cách Thành phố Hồ Chí Minh 135 km về phía Nam và cách Thành phố Cần Thơ 40 km về phía Bắc theo đường Quốc lộ 1A, có nhiều trường đại học, cao đẳng nên rất thuận lợi cho việc hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Vĩnh Long là khu vực có giao thông về đường thủy và đường bộ đều rất thuận lợi. Đường bộ của tỉnh có quốc lộ 1A đi ngang qua, cùng với các quốc lộ khác như quốc lộ 53, quốc lộ 54, quốc lộ 57 và quốc lộ 80. Đường thủy cũng khá thuận lợi, các tuyến giao thông này nối liền tỉnh Vĩnh Long với các tỉnh trong khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả nước, tạo cho Vĩnh Long một vị thế rất quan trọng trong chiến lược phát triển và hợp tác kinh tế với cả vùng.

1.3. Khó khăn

a) Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn trải nghiệm những thách thức quan trọng nhất của cơ chế thị trường và toàn cầu hóa. Sau hơn 10 năm gia

nhập WTO, Việt Nam vẫn phải đối diện với nhiều thách thức, trở ngại về kinh tế, giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học.

b) Sự bùng nổ về số lượng các trường đại học, cao đẳng trong nước, cùng với sự có mặt của nhiều cơ sở giáo dục đào tạo nước ngoài tại Việt Nam tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ ngay giữa các trường đại học, cao đẳng trong nước. Chính những yếu tố này buộc các trường đại học, cao đẳng có truyền thống và các Đại học vùng phải nhìn nhận lại chính sách đào tạo theo hướng tạo nên sự khác biệt và khẳng định đẳng cấp riêng của mình.

c) Là một trường đại học mới được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trường cao đẳng, mặc dù đến nay đã có tuổi đời 40 năm, song dễ bị trì trệ, khả năng thích ứng chậm trước thay đổi.

d) Số lượng cán bộ giảng viên có trình độ cao còn rất ít so với yêu cầu phát triển của một trường đại học. Đội ngũ còn thiếu tính chuyên nghiệp, chủ động, sáng tạo trong công tác. Phần lớn cán bộ quản lý đều trưởng thành từ công tác chuyên môn, ít được đào tạo về thực tiễn quản trị đại học.

e) Khả năng tiến hành nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu xã hội của cán bộ giảng viên còn rất hạn chế. Số lượng công trình đăng trên các tạp chí có uy tín còn rất ít. Các giảng viên trẻ chiếm đa số, còn ít kinh nghiệm, năng lực nghiên cứu khoa học và trình độ còn hạn chế.

g) Trường đang trong thời kỳ xây dựng lộ trình theo mô hình tự chủ đại học, phấn đấu đến năm 2020 mới tự chủ hoàn toàn về chi thường xuyên. Mức độ tự chủ còn thấp.

2. Quan điểm phát triển

Định hướng phát triển của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây là đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao cho ngành Xây dựng, ngành Kinh tế ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và phục vụ cho hợp tác Quốc tế là phù hợp với xu thế phát triển và rất cấp thiết cho ngành Xây dựng để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước.

III. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây là trường đại học đào tạo đa ngành, đa hệ trong lĩnh vực Xây dựng và các lĩnh vực Kinh tế khác cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Là trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ, chuyên giao sản phẩm khoa học và công nghệ phù hợp với các ngành mà Nhà trường đào tạo. Phấn đấu đến năm 2030 đạt trình độ phát triển tương đương với các trường đại học có đẳng cấp trong nước, đến năm 2050 đạt trình độ trung bình ở khu vực Đông Nam Á và Quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo bậc đại học và sau đại học các ngành kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng và lĩnh vực kinh tế khác với các chuyên ngành phù hợp theo nhu cầu xã hội.

- Đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực về trình độ chuyên môn và kỹ năng ứng dụng; đào tạo gắn với nhu cầu xã hội, gắn với thực tiễn sản xuất và hội nhập quốc tế.

- Nghiên cứu khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ; chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ về các lĩnh vực có liên quan.

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý ngành; cán bộ quản lý, kỹ thuật của các cơ quan, doanh nghiệp.

- Hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên với các cơ sở đào tạo trong nước và hợp tác Quốc tế với các trường đại học ở nước ngoài.

- Đội ngũ cán bộ khoa học có năng lực và trình độ cao, đạt chuẩn quốc tế, có thể giảng dạy và nghiên cứu ở nước ngoài, làm nền tảng cho sự phát triển của Nhà trường.

- Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ chất lượng cao.

- Mô hình tự chủ đại học, chịu trách nhiệm xã hội cao; các nguồn lực tài chính được phát triển theo hướng đa dạng hóa và bền vững, hiệu quả thông qua tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, khai thác các hình thức huy động mới theo cơ chế mới, đặc thù.

3. Nội dung chiến lược phát triển chính

3.1. Đào tạo

Thực hiện chương trình hành động đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo, phát huy cao độ tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo qui chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự kiểm soát trên cơ sở các quy định của Nhà nước.

Xây dựng chiến lược công tác tuyển sinh hàng năm phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể đạt trên 70% chỉ tiêu đề ra (*Phụ lục số 01 – Kế hoạch tuyển sinh giai đoạn 2016 – 2020*).

Tổ chức tốt công tác tuyển sinh đúng quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đạt số lượng và chất lượng đầu vào.

Chỉ đạo xây dựng chương trình đào tạo các ngành phù hợp với nhu cầu xã hội và tình hình thực tế của trường. Mở thêm các ngành đáp ứng như cầu xã hội như Địa kỹ thuật xây dựng, Tài chính ngân hàng, Kinh tế Xây dựng, Kỹ thuật công trình thủy... và rà soát bổ sung nội dung đề cương chi tiết, giáo trình giảng dạy...

Hoàn chỉnh hồ sơ đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp.

Tổ chức quản lý chặt chẽ quá trình đào tạo, đặc biệt là quy chế thi, kiểm tra và đánh giá; đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng trong trường, hoàn thiện hồ

sơ tự đánh giá, hoàn thành công tác đánh giá ngoài vào cuối năm 2017 theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tăng cường công tác quản lý giảng dạy, nhất là đào tạo liên thông, liên kết, vừa làm vừa học; tăng cường vai trò giáo viên chủ nhiệm, đặc biệt là vai trò của cố vấn học tập đối với sinh viên đào tạo theo tín chỉ.

3.2. Nghiên cứu khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

Nghiên cứu khoa học theo chuẩn và trình độ quốc tế. Số lượng, chất lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ngày được nâng cao.

Thực hiện tốt việc công bố các kết quả nghiên cứu khoa học trên website và Thư viện điện tử của Trường và đây là nguồn tham khảo hữu ích phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

Tăng cường xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học với nguồn kinh phí phù hợp, gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo và ứng dụng thực tiễn tại địa phương theo hướng đô thị xanh, tác động biến đổi khí hậu ở khu vực, phát triển vật liệu xây dựng sử dụng nguyên vật liệu địa phương, ...

Chỉ đạo mạnh mẽ hợp tác liên kết hợp tác nghiên cứu khoa học bên ngoài nhất là với các Viện nghiên cứu và đẩy mạnh hợp tác quốc tế. Đảm bảo chất lượng của các hội nghị khoa học, chú ý đặc biệt nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hội thảo chuyên ngành. Khuyến khích cán bộ, giảng viên đăng bài trên Thông tin khoa học và giáo dục của Trường.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của các khoa; tăng cường đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

Một số chỉ tiêu nghiên cứu khoa học:

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường: 15 đề tài/năm
- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh: 01 đề tài/năm
- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: 01 đề tài/năm
- Đề tài nghiên cứu khoa học của Sinh viên: 10 đề tài/năm
- Phần đầu đến năm 2020 có 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước.
- Mỗi năm tổ chức 1-2 hội thảo, hội nghị khoa học ngành/quốc gia.

3.3. Phát triển đội ngũ viên chức

Xây dựng đội ngũ viên chức lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học, sư phạm, chính trị cho cán bộ chủ chốt, giảng viên và viên chức; tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ đúng chuyên ngành, có chính sách ưu đãi và trọng dụng để thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ về Trường.

Phát triển đội ngũ cán bộ, đặc biệt là về chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực, kiến thức, kỹ năng đạt chuẩn.

Số cán bộ giảng dạy chiếm 75% tổng số cán bộ viên chức. Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên đạt 100%. Tỷ lệ cán bộ khoa học có trình

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MI

độ tiến sĩ đạt 15% vào năm 2020 và đạt khoảng 30% vào năm 2030 và đảm bảo cơ cấu hạng giảng viên, học hàm, học vị cho các chuyên ngành đào tạo theo Luật Giáo dục đại học.

Đội ngũ cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và năng lực quản lý theo các tiêu chuẩn quản trị đại học tiên tiến.

Thường xuyên rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020, xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026 và các năm tiếp theo. Tổ chức tuyển dụng và thực hiện tốt kế hoạch phát triển viên chức hàng năm (*Phụ lục số 02 – Chỉ tiêu biên chế và lao động hợp đồng giai đoạn 2016 – 2020*).

3.4. Xây dựng lộ trình mô hình trường đại học có quyền tự chủ, chịu trách nhiệm xã hội cao đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ theo chuẩn quốc gia

Xây dựng lộ trình tự chủ theo Nghị định số 16/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Phần đầu đến năm 2020 cơ bản thực hiện tự chủ chi thường xuyên.

Nâng cao kiến thức quản trị đại học hiện đại cho Hội đồng trường và đội ngũ lãnh đạo quản lý, cán bộ chủ chốt Nhà trường.

3.5. Cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao

Trên nền tảng cơ sở hiện có của Trường, tiếp tục xây dựng, lập Dự án xây dựng cơ sở vật chất của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây giai đoạn II bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước với tổng kinh phí gần 129,3 tỷ đồng, trình Bộ Xây dựng phê duyệt.

Khai thác và sử dụng tốt, hiệu quả cơ sở vật chất của Trường tại cả hai khu A và B với phương châm tiết kiệm, chống lãng phí.

Phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tin chỉ được đưa vào hoạt động và đã đạt được hiệu quả tích cực, giúp cho sinh viên thuận lợi hơn trong việc đăng ký học phân, học tập và nắm bắt thông tin, việc theo dõi, quản lý sinh viên ngày càng tốt hơn. Mặt khác, cơ sở vật chất, công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ, tất cả các phòng học đều có máy chiếu, giúp cho việc đào tạo và nghiên cứu khoa học được thuận lợi hơn.

Thư viện điện tử được triển khai, công nghệ thông tin được tăng cường, phục vụ cho việc đào tạo và nghiên cứu khoa học, mỗi cán bộ và sinh viên đều có một tài khoản truy cập nội bộ.

3.6. Tạo được nguồn lực tài chính bền vững

Công tác tài chính của trường đảm bảo theo quy định của Nhà nước. Các nguồn thu từ ngân sách nhà nước, học phí và thu sự nghiệp khác được ổn định và có xu hướng ngày càng tăng thêm.

Tạo được nguồn lực tài chính bền vững ngoài ngân sách nhà nước đáp ứng cơ bản yêu cầu xây dựng và phát triển Trường đạt chuẩn.

ÔN
HỌC
DỰ
NT
★

Tổng kinh phí thu bổ sung từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và thu sự nghiệp khác dành cho quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp Trường tối thiểu 25% số chênh lệch thu lớn hơn chi.

IV. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

- Trường Đại học Xây dựng Miền Tây trở thành đại học trọng điểm định hướng đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó có một số ngành mũi nhọn đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế như: Kiến trúc, Xây dựng...

- Trường Đại học Xây dựng Miền Tây trở thành trung tâm trong nghiên cứu và phát triển khoa học, chuyển giao công nghệ đóng góp thiết thực và hiệu quả vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; góp phần tích cực thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu đến năm 2030 năng lực, trình độ đào tạo các bậc học của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây đạt trình độ bằng các đại học tiên tiến của khu vực Đông Nam Á. Cơ cấu đại học ứng dụng và thực hành theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực được hoàn thiện đạt được chuẩn nhóm 1000 đại học hàng đầu thế giới.

- Tăng cường xã hội hóa giáo dục đại học thông qua gắn kết nhà trường với các nhà tuyển dụng, hợp đồng đào tạo nguồn lao động theo yêu cầu của nhà tuyển dụng.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

1. Đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng, quản lý giáo dục đại học, xây dựng văn hóa chất lượng

Phát huy vai trò của Đảng bộ trường, sự năng động và sáng tạo của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể nhằm đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng làm cho tất cả cán bộ, viên chức, sinh viên hiểu rõ về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường, phát huy những thuận lợi và cơ hội, khắc phục những khó khăn, thách thức trong giai đoạn mới để cùng chung sức xây dựng Nhà trường ngày càng phát triển.

Kiến toàn bộ máy quản lý theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, đổi mới công tác quản lý, xây dựng văn hoá chất lượng, văn hoá chuyên nghiệp, tạo dựng môi trường thân thiện trong các hoạt động của Nhà trường. Hàng năm thực hiện tốt ba công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

Đổi mới, cải tiến công tác thi đua, khen thưởng, hạn chế việc áp dụng các chế độ, chính sách theo kiểu cào bằng, không khuyến khích sự cố gắng nỗ lực của mọi cá nhân. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và chuyên đề hàng năm.

Nhà trường kết hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên xây dựng một môi trường học tập thân thiện và thực hiện quản lý chuyên nghiệp. Đổi mới và nâng

cao hiệu quả, chất lượng công tác quản lý sinh viên trong đào tạo theo tín chỉ. Thực hiện vai trò người cố vấn học tập, giúp sinh viên xử lý các khó khăn trong học tập, sinh hoạt. Vận hành hệ thống thông tin về sinh viên thật hiệu quả.

Thực hiện các chương trình kiểm định chất lượng và một chương trình đào tạo Xây dựng theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và quản lý

Quy hoạch đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu phát triển đến năm 2020 và 2030 về chất lượng và quy mô. Tiếp tục thực hiện kế hoạch đi làm Nghiên cứu sinh và áp dụng các chính sách hỗ trợ cán bộ đi đào tạo, công bố kết quả nghiên cứu khoa học, tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế.

Xây dựng và thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Quyết định của Bộ Xây dựng. Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút và sử dụng cán bộ có trình độ cao về Trường. Sử dụng nguồn nhân lực hợp lý và có hiệu quả.

Thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng được nhiệm vụ được giao, đặc biệt là chương trình bồi dưỡng cán bộ trẻ, chuyên sâu, cán bộ đầu ngành của Trường. Đồng thời, nâng cao một bước đáng kể trình độ chung của đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu.

Nâng cao chất lượng cuộc sống của đội ngũ cán bộ, viên chức thông qua việc tạo các công việc có thu nhập cao, cải thiện môi trường làm việc thân thiện, áp dụng các chính sách mang lại cơ hội phát triển và cống hiến cho đội ngũ cán bộ, viên chức.

3. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo định hướng đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao

Hoàn thiện bộ máy quản lý của các khoa, bộ môn trực thuộc khoa, tiến tới chuẩn hóa đội ngũ trường phó khoa, bộ môn. Nâng cao chất lượng sinh hoạt học thuật của các tổ bộ môn, coi trọng và phát huy vai trò trách nhiệm trong quản lý, đánh giá chất lượng đào tạo của bộ môn. Nâng cấp và thành lập phòng Chính trị - Công tác sinh viên, trung tâm Thí nghiệm và Môi trường, trung tâm Thông tin thư viện.

Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ cho cán bộ chủ chốt. Mở các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên phấn đấu vươn lên, đào tạo nguồn cán bộ trẻ có phẩm chất chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao đáp ứng yêu cầu đổi mới của Nhà trường.

Tiếp tục tuyển dụng giảng viên đủ điều kiện đáp ứng những tiêu chí về trình độ, về sức khỏe, về độ tuổi... công khai rõ ràng, minh bạch đến tất cả các đối tượng và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo

Nghiên cứu các phương thức tuyển sinh thích hợp, đạt chỉ tiêu được giao nhưng đảm bảo chất lượng. Tích cực mở rộng khai thác nguồn tuyển sinh hiện có và mở rộng thêm các nguồn tuyển sinh khác bằng những phương thức mang tính cạnh tranh cao.



Hoàn thiện cơ chế đào tạo theo tín chỉ. Xây dựng kịp thời và thực hiện các chương trình đào tạo mới theo hướng bằng đại học thứ hai. Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các chương trình đào tạo hiện có. Thường xuyên cập nhật giáo trình, nguồn học liệu, sử dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Thường xuyên thực hiện việc điều chỉnh về cơ bản các chương trình đào tạo, những thay đổi về phương pháp tổ chức đào tạo, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, cung cấp nguồn học liệu cho người học.

Nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của Nhà trường, hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến cuối năm 2017, trường kiểm định chất lượng đánh giá ngoài.

Tăng cường hợp tác đào tạo Sau đại học với các trường đại học, học viện trong nước và nước ngoài. Tăng cường phát triển các chương trình đào tạo liên kết với các trường đại học khác, các địa phương nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu trong khu vực và tăng nguồn thu cho Trường, cho đội ngũ cán bộ, viên chức.

5. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác Nghiên cứu khoa học

Tiếp tục từng bước hoàn thiện các khâu quản lý công tác khoa học – công nghệ của Nhà trường theo hướng có sản phẩm đầu ra rõ ràng, kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn – nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo đi đôi với thực hiện nhiệm vụ chung của Nhà trường. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với các đơn vị ngoài Trường, trong nước và quốc tế.

Đảm bảo mỗi đề tài nghiên cứu khoa học phải có kết quả là một bài báo đăng trong các tạp chí chuyên ngành có chỉ số ISSN hay báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế.

Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng hệ thống học liệu mở phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ cho xã hội. Xây dựng cơ sở học liệu điện tử. Cung cấp dịch vụ Internet miễn phí cho cán bộ, viên chức và sinh viên. Đẩy mạnh việc đưa lên trang Web của Nhà trường toàn bộ các thông tin về hoạt động của Trường, nhất là các thông tin về đào tạo, nghiên cứu khoa học.

6. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, hiện đại hoá cơ sở vật chất

Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính, tiến tới tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên vào năm 2020. Quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất đúng theo các quy định. Rà soát các khoản chi, sử dụng cơ sở vật chất theo hướng có hiệu quả, tiết kiệm.

Đa dạng hóa hơn nữa các nguồn thu từ việc tăng cường các hoạt động dịch vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, liên kết đào tạo với các địa phương, các trường đại học, học viện trong và ngoài nước nhằm nâng cao vị thế của Trường và tăng nguồn thu cho Trường.

Hàng năm báo cáo công khai tài chính, cung cấp tư vấn về việc sử dụng nguồn ngân sách, nguồn thu trong các hoạt động của Trường. Giúp các đơn vị trong Trường sử dụng tốt các nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất. Tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động của các trung tâm, đặc biệt là Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học, Trung tâm Tư vấn xây dựng.

Nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện trường (Trung tâm Học liệu), bảo đảm nguồn kinh phí mua sắm bổ sung học liệu, tài liệu tham khảo. Sử dụng hiệu quả các cơ sở thiết bị đầu tư hiện có cũng như hệ thống công nghệ thông tin, Internet, ...

Thường xuyên bổ sung điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo khách quan, công bằng cho toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động. Quan tâm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, từng bước ổn định và nâng cao thu nhập tăng thêm cho đội ngũ cán bộ, viên chức.

7. Tăng cường chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế

Tăng cường kết nối giữa Nhà trường, Doanh nghiệp và Sinh viên. Khai thác, huy động các nguồn tài trợ và sự giúp đỡ của các doanh nghiệp phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đổi mới công tác quản lý nghiên cứu khoa học theo hướng có sản phẩm đầu ra cụ thể. Thiết lập các mối quan hệ đào tạo và nghiên cứu khoa học liên kết với các đối tác nước ngoài, các chương trình trao đổi sinh viên, học sinh và các học giả.

Tăng cường các đầu mối quan hệ hợp tác quốc tế mới để có được thêm nhiều nguồn tài trợ học bổng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu sách vở và chất xám phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng các chương trình giao lưu, trao đổi giảng viên và sinh viên.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chiến lược phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Tây đến năm 2020, tầm nhìn 2030 được thực hiện thông qua các kế hoạch 5 năm và được cụ thể hóa thành kế hoạch, nhiệm vụ năm học của Nhà trường, được phổ biến rộng rãi đến từng phòng, khoa và trung tâm trực thuộc. Tổ chức thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn 2030 là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường.

2. Các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Nhà trường và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đề ra. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Tây.

3. Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược (vào dịp tổ chức hội nghị CBCCVV và tổng kết năm học), trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của Nhà trường trong năm học tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn.

4. Đến năm 2020 sẽ tổ chức đánh giá toàn diện Chiến lược phát triển của Nhà trường, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển cho giai đoạn tiếp theo.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Lê Hiến Chương





KẾ HOẠCH TUYỂN SINH GIAI ĐOẠN 2016-2020

TT	Ngành nghề đào tạo	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020					Cộng
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
I	Đào tạo đại học	900	950	1.050	1.100	1.150	5.150
1	Chính quy dài hạn						
	- Hệ chính quy	650	700	800	900	950	4.000
	- Cử tuyển						
2	Chính quy ngoài ngân sách						
3	Tại chức (hệ không chính quy)	150	150	150	150	150	750
4	Văn bằng hai						
5	Liên thông	100	100	100	50	50	400
6	Liên kết đào tạo						
II	Sau đại học	0	0	50	50	50	150
1	Nghiên cứu sinh (Tiến sĩ)						
2	Cao học (Thạc sĩ)			50	50	50	150
III	Cao đẳng chuyên nghiệp	250	250	150	0	0	650
1	Chính quy dài hạn	200	200	100	0	0	500
2	Chính quy ngoài ngân sách						
3	Tại chức	50	50	50	0	0	150
4	Liên kết đào tạo						



**CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG
GIAI ĐOẠN 2016 – 2020**

Đơn vị tính: Người

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng
	Tổng số	280	300	310	320	330	1.540
1	Biên chế (hoặc định biên được giao quyền tự chủ tài chính)	179	199	223	242	262	1.105
2	Lao động hợp đồng không thời hạn theo quy định tại ND số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000	09	10	10	10	10	49
3	Lao động hợp đồng có xác định thời hạn	63	63	57	47	37	267
4	Lao động hợp đồng theo thời vụ	09	10	11	11	11	52
5	Lao động hợp đồng thử việc	20	18	09	10	10	67